

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 31/05/2021

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bản niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

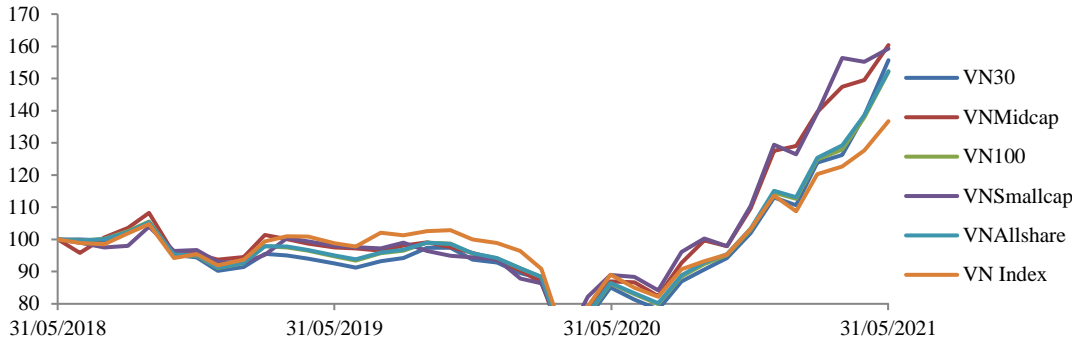
Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Chuẩn phân ngành

Các cổ phiếu thành phần bộ chỉ số được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2018 đến 31/05/2021



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/05/2018

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	13.66%	3.40%	21.25%	9.86%	21.50%	47.37%	76.14%	52.28%	123.34%	15.05%	17.43%
VN30	14.10%	2.73%	20.73%	12.38%	25.66%	52.69%	82.92%	55.68%	138.82%	15.90%	19.02%
VNMidcap	14.65%	1.82%	35.92%	7.24%	14.91%	46.22%	84.46%	60.38%	101.57%	17.05%	15.05%
VN100	13.23%	3.43%	20.69%	10.31%	21.86%	47.73%	76.39%	52.10%	127.79%	15.00%	17.90%
VNSmallcap	18.77%	1.72%	37.64%	2.64%	14.35%	44.17%	79.11%	59.27%	73.74%	16.78%	11.68%
VN-Index	10.27%	7.76%	14.19%	7.15%	13.66%	32.40%	53.63%	36.74%	114.74%	10.99%	16.52%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	8.22%	17.12%	21.88%	33.78%	39.45%
VN30	8.88%	17.96%	22.82%	35.37%	42.06%
VNMidcap	9.31%	17.23%	22.11%	32.81%	38.35%
VN100	8.41%	17.38%	22.18%	34.04%	40.00%
VNSmallcap	8.22%	15.59%	20.49%	27.98%	32.39%
VN-Index	7.93%	16.47%	21.16%	33.14%	39.80%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	98.23%	99.12%	99.10%	97.66%	96.75%
VN30	95.35%	98.04%	98.16%	97.37%	96.58%
VNMidcap	81.15%	89.53%	89.52%	87.33%	83.52%
VN100	97.98%	99.03%	99.04%	98.40%	97.34%
VNSmallcap	69.86%	85.42%	85.36%	81.51%	76.61%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	261	30	70	100	161
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,270,833	3,523,918	561,229	4,085,147	185,686
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,676,658	1,323,727	264,990	1,588,717	87,941
Trung bình	6,424	44,124	3,786	15,887	546
Cao nhất	139,102	139,102	34,277	139,102	3,684
Thấp nhất	16	4,016	226	226	16
Trung vị	763	29,723	2,235	3,750	352
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.30%	10.51%	12.94%	8.76%	4.19%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	55.56%	70.38%	47.43%	58.64%	25.35%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

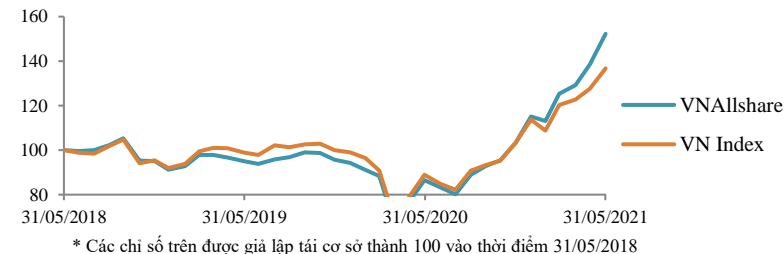
Đặc điểm chỉ số

	261
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,270,833
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,676,658
Trung bình	6,424
Cao nhất	139,102
Thấp nhất	16
Trung vị	763
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.30%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	55.56%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2018 đến 31/05/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	8.22%	17.12%	21.88%	33.78%	39.45%

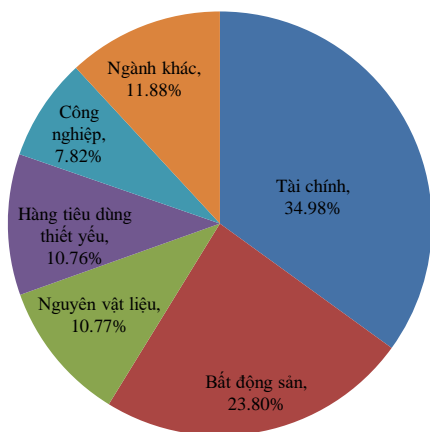
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.23%	99.12%	99.10%	97.66%	96.75%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	13.66%	3.40%	21.25%	9.86%	21.50%	47.37%	76.14%	52.28%	123.34%	15.05%	17.43%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	139,102	8.30%
2	HPG	Nguyên vật liệu	129,648	7.73%
3	VPB	Tài chính	127,401	7.60%
4	TCB	Tài chính	122,339	7.30%
5	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,570	5.64%
6	VHM	Bất động sản	84,376	5.03%
7	MBB	Tài chính	63,812	3.81%
8	FPT	Công nghệ thông tin	61,803	3.69%
9	STB	Tài chính	57,915	3.45%
10	NVL	Bất động sản	50,634	3.02%
	Tổng cộng		931,602	55.56%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	21	586,442	34.98%
Bất động sản	37	398,997	23.80%
Nguyên vật liệu	42	180,597	10.77%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	23	180,361	10.76%
Công nghiệp	72	131,097	7.82%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

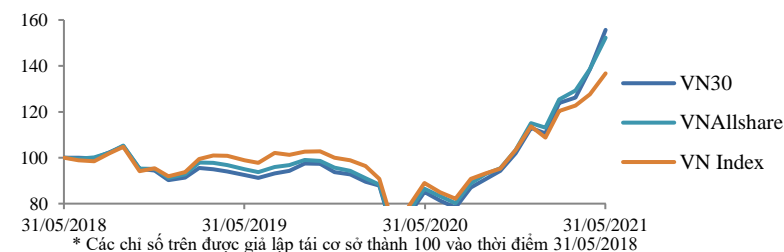


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,523,918
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,323,727
Trung bình	44,124
Cao nhất	139,102
Thấp nhất	4,016
Trung vị	29,723
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	10.51%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	70.38%

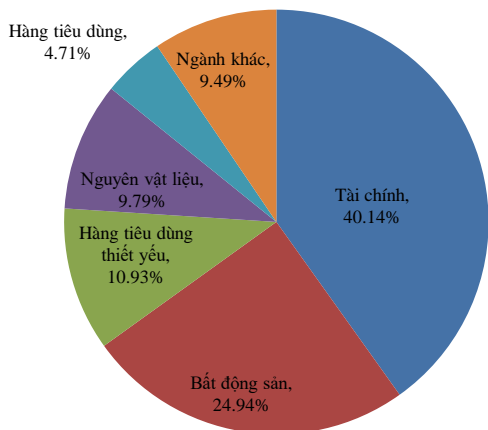
Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2018 đến 31/05/2021



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	14.10%	2.73%	20.73%	12.38%	25.66%	52.69%	82.92%	55.68%	138.82%	15.90%	19.02%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	531,297	40.14%
Bất động sản	6	330,157	24.94%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	144,749	10.93%
Nguyên vật liệu	1	129,648	9.79%
Hàng tiêu dùng	2	62,301	4.71%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	8.88%	17.96%	22.82%	35.37%	42.06%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	95.35%	98.04%	98.16%	97.37%	96.58%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	139,102	10.51%
2	HPG	Nguyên vật liệu	129,648	9.79%
3	VPB	Tài chính	127,401	9.62%
4	TCB	Tài chính	122,339	9.24%
5	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,570	7.14%
6	VHM	Bất động sản	84,376	6.37%
7	MBB	Tài chính	63,812	4.82%
8	FPT	Công nghệ thông tin	61,803	4.67%
9	STB	Tài chính	57,915	4.38%
10	NVL	Bất động sản	50,634	3.83%
	Tổng cộng		931,602	70.38%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNIAllshare" và "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

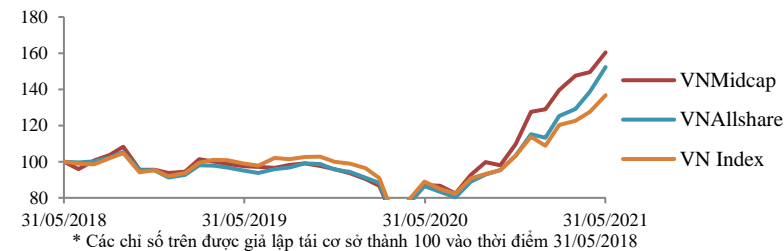
Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	561,229
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	264,990
Trung bình	3,786
Cao nhất	34,277
Thấp nhất	226
Trung vị	2,235
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.94%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	47.43%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2018 đến 31/05/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	9.31%	17.23%	22.11%	32.81%	38.35%

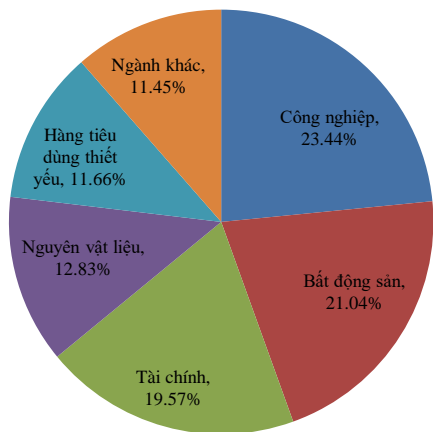
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	81.15%	89.53%	89.52%	87.33%	83.52%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	14.65%	1.82%	35.92%	7.24%	14.91%	46.22%	84.46%	60.38%	101.57%	17.05%	15.05%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	EIB	Tài chính	34,277	12.94%
2	HSG	Nguyên vật liệu	15,615	5.89%
3	DXG	Bất động sản	12,335	4.65%
4	SAB	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10,969	4.14%
5	KBC	Bất động sản	10,950	4.13%
6	GMD	Công nghiệp	10,049	3.79%
7	VCI	Tài chính	9,266	3.50%
8	GEX	Công nghiệp	9,074	3.42%
9	NLG	Bất động sản	6,675	2.52%
10	KDC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,462	2.44%
	Tổng cộng		125,673	47.43%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	19	62,125	23.44%
Bất động sản	11	55,764	21.04%
Tài chính	6	51,847	19.57%
Nguyên vật liệu	9	34,006	12.83%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7	30,910	11.66%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

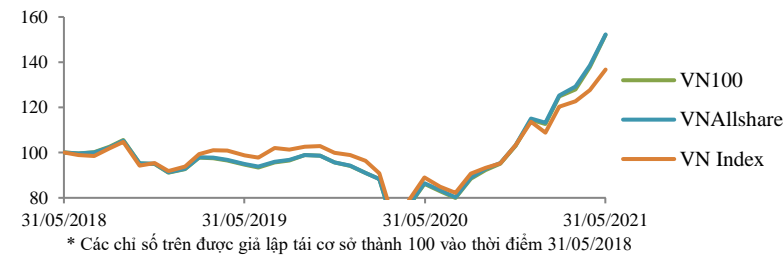


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,085,147
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,588,717
Trung bình	15,887
Cao nhất	139,102
Thấp nhất	226
Trung vị	3,750
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.76%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	58.64%

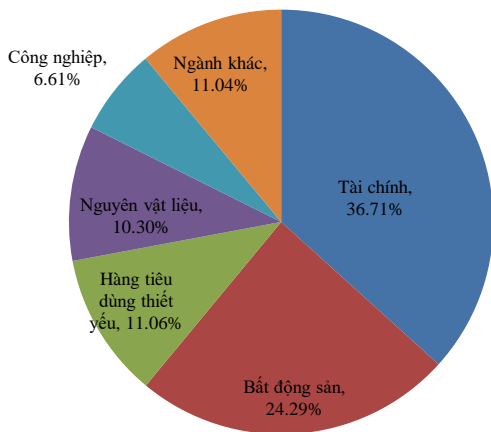
Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2018 đến 31/05/2021



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	13.23%	3.43%	20.69%	10.31%	21.86%	47.73%	76.39%	52.10%	127.79%	15.00%	17.90%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	17	583,145	36.71%
Bất động sản	17	385,921	24.29%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	175,659	11.06%
Nguyên vật liệu	10	163,654	10.30%
Công nghiệp	22	105,018	6.61%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
 Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
 Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
 Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
 Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
 Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	8.41%	17.38%	22.18%	34.04%	40.00%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	97.98%	99.03%	99.04%	98.40%	97.34%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	139,102	8.76%
2	HPG	Nguyên vật liệu	129,648	8.16%
3	VPB	Tài chính	127,401	8.02%
4	TCB	Tài chính	122,339	7.70%
5	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,570	5.95%
6	VHM	Bất động sản	84,376	5.31%
7	MBB	Tài chính	63,812	4.02%
8	FPT	Công nghệ thông tin	61,803	3.89%
9	STB	Tài chính	57,915	3.65%
10	NVL	Bất động sản	50,634	3.19%
	Tổng cộng		931,602	58.64%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

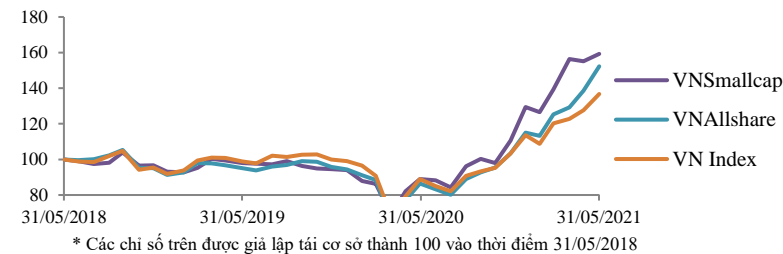
Đặc điểm chỉ số

	161
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	185,686
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	87,941
Trung bình	546
Cao nhất	3,684
Thấp nhất	16
Trung vị	352
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.19%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	25.35%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/05/2018 đến 31/05/2021



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	8.22%	15.59%	20.49%	27.98%	32.39%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

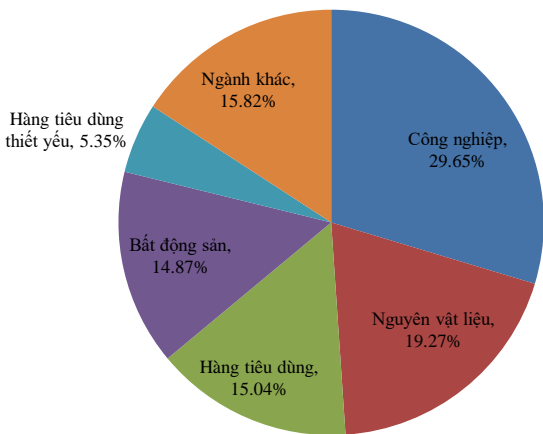
	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	97.98%	99.03%	99.04%	98.40%	97.34%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2018	2019	2020	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	18.77%	1.72%	37.64%	2.64%	14.35%	44.17%	79.11%	59.27%	73.74%	16.78%	11.68%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường



	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	NKG	Nguyên vật liệu	3,684	4.40%
2	TCM	Hàng tiêu dùng	3,064	3.66%
3	DGW	Công nghệ thông tin	2,341	2.80%
4	VSC	Công nghiệp	2,137	2.56%
5	HDC	Bất động sản	2,091	2.50%
6	SHI	Công nghiệp	2,029	2.43%
7	FTS	Tài chính	1,823	2.18%
8	LDG	Bất động sản	1,509	1.80%
9	CVT	Nguyên vật liệu	1,499	1.79%
10	HQC	Bất động sản	1,394	1.67%
	Tổng cộng		21,572	25.79%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	50	26,079	29.65%
Nguyên vật liệu	32	16,943	19.27%
Hàng tiêu dùng	22	13,228	15.04%
Bất động sản	20	13,076	14.87%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	13	4,701	5.35%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

